

*

Số 02-TTNB/BXDĐ

THÔNG TIN NỘI BỘ THÁNG 8

(Tài liệu tham khảo dành cho bí thư các cơ sở đảng trực thuộc Đảng bộ phường)

I. THÔNG TIN TRONG NƯỚC

1. Về đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của đảng theo Chỉ thị số 45-CT/TW

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 35-CT/TW về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Sau khi có Kết luận số 121-KL/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 118-KL/TW ngày 25 tháng 01 năm 2025 về điều chỉnh, bổ sung một số điểm trong Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị.

Thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Hội nghị lần thứ 11, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 14 tháng 4 năm 2025 về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng để thay thế Chỉ thị số 35-CT/TW và Kết luận số 118-KL/TW của Bộ Chính trị. Chỉ thị số 45-CT/TW của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp lần này cơ bản kế thừa những nội dung cơ bản trong Chỉ thị số 35-CT/TW và Kết luận số 118-KL/TW của Bộ Chính trị; đồng thời, có một số nội dung mới đáng chú ý sau:

Về thời gian tổ chức đại hội ở các cấp

- Đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu đảng bộ cấp cơ sở không quá 02 ngày và hoàn thành trước 30/6/2025.
- Đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở và đảng bộ xã, phường, đặc khu (sau hợp nhất, sáp nhập) không quá 02 ngày và hoàn thành trước ngày 31 tháng 8 năm 2025.
- Đại hội đại biểu đảng bộ cấp trực thuộc Trung ương không quá 04 ngày và hoàn thành trước ngày 31 tháng 10 năm 2025 (những nơi đại hội hai nội dung thì có thể ngắn hơn). Thời gian họp trừ bị được tính vào thời gian tiến hành đại hội, đối với cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên không quá 1/2 ngày.
- Thời gian tổ chức đại hội điểm ở cấp trên trực tiếp cơ sở đầu Quý III và cấp trực thuộc Trung ương trong Quý III năm 2025.

Về nội dung đại hội

Những đảng bộ không hợp nhất, sáp nhập thì đại hội 4 nội dung: (i) Tổng kết thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2025 - 2030; (ii) Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng và văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp; (iii) Bầu ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030; (iv) Bầu đoàn đại biểu đại hội đảng bộ cấp trên. Những nơi thực sự có khó khăn về công tác chuẩn bị nhân sự, được cấp ủy có thẩm quyền đồng ý, thì đại hội 3 nội dung, chưa bầu cấp ủy khóa mới.

Những đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hợp nhất, sáp nhập và đảng bộ xã phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh hợp nhất, sáp nhập, thành lập mới theo chủ trương, nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII thì đại hội 2 nội dung: (i) Tổng kết việc thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025 trên cơ sở nội dung nghị quyết đại hội của các đảng bộ, chi bộ trước khi hợp nhất, sáp nhập và đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nhiệm kỳ 2025 - 2030; (ii) Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng và dự thảo văn kiện đại hội của đảng bộ cấp trên trực tiếp (không bầu cấp ủy khoá mới và đoàn đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên). Ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy khoá mới và phân bổ số lượng, chỉ định đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Đối với các đảng bộ cấp xã không hợp nhất, sáp nhập nếu đã tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2025 - 2030: (i) Tổ chức hội nghị ban chấp hành để thảo luận các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng và văn kiện của đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp; (ii) Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, số lượng theo Chỉ thị của Bộ Chính trị, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo rà soát, kiện toàn nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 và nhân sự đại biểu đi dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên theo quy định.

Về cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra

Về công tác chuẩn bị nhân sự cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra của cấp ủy có một số điểm mới đáng chú ý như sau:

(i) Các đảng bộ cấp tỉnh, cấp xã hợp nhất, sáp nhập thì cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, chỉ định đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên.

(ii) Các địa phương không hợp nhất, sáp nhập, số lượng cấp ủy viên như nhiệm kỳ 2015 - 2020. Đối với các tỉnh, xã hợp nhất, sáp nhập thì số lượng có thể nhiều hơn, nhưng tối đa không quá tổng số cấp ủy viên hiện có và chậm nhất sau 5 năm, phải thực hiện theo quy định. Cán bộ được luân chuyển từ Trung ương về địa phương được chỉ định tham gia cấp ủy cũng nằm trong số lượng quy định của địa phương đó.

(iii) Đối với Đảng bộ các cơ quan đảng Trung ương, Đảng bộ Chính phủ, Đảng bộ Quốc hội, Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể Trung ương thì số lượng ban thường vụ, phó bí thư có thể nhiều hơn so với quy định chung.

Sau Đại hội XIV của Đảng, Bộ Chính trị sẽ chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư nhiệm kỳ 2025 - 2030 của 4 đảng bộ nêu trên.

(iv) Đối với đảng bộ các cơ quan đảng và đảng bộ UBND tỉnh, thành phố: Đảng bộ các cơ quan đảng tỉnh, thành phố: những nơi không hợp nhất, sáp nhập, ban chấp hành không quá 27, ban thường vụ không quá 9; các tỉnh, thành phố hợp nhất, sáp nhập, ban chấp hành không quá 41, ban thường vụ không quá 11, thành phố Hà Nội, ban chấp hành không quá 33, ban thường vụ không quá 11; đối với đảng bộ UBND tỉnh, thành phố: Ban chấp hành ở các tỉnh, thành phố không hợp nhất, sáp nhập không quá 27, ban thường vụ không quá 9; các tỉnh, thành phố hợp nhất, sáp nhập không quá 41, ban thường vụ không quá 11, thành phố Hà Nội ban chấp hành không quá 33, ban thường vụ không quá 11.

(v) Đối với các đảng bộ xã, phường trực thuộc cấp tỉnh: Những đảng bộ sáp nhập từ 2 xã (phường) thì số lượng cấp ủy viên không quá 27; những nơi sáp nhập từ 3 xã (phường) trở lên thì số lượng cấp ủy viên không quá 33.

(vi) Việc đổi mới cấp ủy không dưới 1/3 tổng số cấp ủy viên không tính những nơi hợp nhất, sáp nhập. Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy không dưới 15% và tuổi trẻ (42 tuổi trở xuống đối với cấp xã và cấp tỉnh) không dưới 10% tính chung cả nhiệm kỳ. Phần đầu tỷ lệ cán bộ có trình độ khoa học công nghệ khoảng 5%.

(vii) Đại hội lần này đang trong quá trình thực hiện lộ trình tăng tuổi công tác của cán bộ, nên độ tuổi tham gia cấp ủy lần đầu và tái cử cấp ủy được quy định cụ thể đối với nam và nữ ở mỗi cấp. Thực hiện cơ cấu ba độ tuổi trong cấp ủy các cấp và phần đầu trong ban thường vụ, thường trực cấp ủy.

(viii) Đối với những nơi hợp nhất, sáp nhập thì người tái cử cấp ủy phải còn ít nhất 48 tháng công tác trở lên. Trường hợp đặc biệt là phó bí thư tỉnh ủy, thành ủy cũng phải còn ít nhất 42 tháng công tác trở lên.

(ix) Cán bộ đủ tuổi tái cử cấp ủy thì đủ tuổi tái cử các chức danh lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nhưng ít nhất phải còn 36 tháng công tác trở lên tại thời điểm bầu cử, đại hội của tổ chức đó. Độ tuổi tái cử Ủy ban kiểm tra các cấp phải còn ít nhất 42 tháng công tác trở lên để đồng bộ với quy định về độ tuổi tái cử cấp ủy.

(x) Cơ bản thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy cấp tỉnh không là người địa phương, gắn với việc sử dụng, bố trí hài hòa nguồn cán bộ tại chỗ trong quy hoạch đối với cấp tỉnh; phần đầu cơ bản hoàn thành ở cấp xã và khuyến khích thực hiện đối với các chức danh khác.

(xi) Cán bộ được giới thiệu để bầu tham gia cấp ủy, các chức danh lãnh đạo cao hơn, phải giữ chức vụ đảng đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất 2 năm (24 tháng), trường hợp đặc biệt cũng phải một năm (12 tháng) do cấp ủy có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ đó xem xét, quyết định, để đồng bộ với các quy định của Bộ Chính trị, về công tác cán bộ.

(xii) Việc bầu cử trực tiếp bí thư cấp ủy tại đại hội chỉ thực hiện đối với cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở ở những nơi có đủ điều kiện đó là: nội bộ đoàn kết;

nhân sự có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được ban thường cấp ủy cấp tỉnh đồng ý. Khi lấy phiếu tín nhiệm đại biểu đại hội về chức danh bí thư mà kết quả khác với phương án nhân sự được duyệt thì dừng lại, báo cáo ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp.

2. Kết quả kỳ họp thứ 9, quốc hội khóa XV

Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV diễn ra ngay sau thành công rất tốt đẹp của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII để xem xét, quyết định nhiều nội dung hệ trọng, có ý nghĩa lịch sử, gắn liền với yêu cầu đổi mới, hoàn thiện thể chế, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị để phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Sau 35 ngày làm việc (đợt 1: từ ngày 05/5 đến ngày 29/5/2025; đợt 2: từ ngày 11/6 đến ngày 27/6/2025) với tinh thần đổi mới, trách nhiệm và quyết tâm cao, trên cơ sở chuẩn bị khẩn trương, kỹ lưỡng và sắp xếp chương trình khoa học, hiệu quả, Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV đã hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình đề ra. Quốc hội đã xem xét thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thông qua 34 luật và 13 nghị quyết quy phạm pháp luật, cho ý kiến đối với 06 dự án luật khác; xem xét, quyết định sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, quyết định ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia; xem xét, quyết định công tác tổ chức, nhân sự thuộc thẩm quyền. Bên cạnh đó, Quốc hội đã xem xét, quyết định các nội dung về kinh tế - xã hội, tài chính, ngân sách nhà nước, chủ trương đầu tư các dự án quan trọng; tiến hành chất vấn và trả lời chất vấn; xem xét báo cáo về tổng hợp kiến nghị của cử tri và Nhân dân, báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri, cùng một số nội dung quan trọng khác. Cụ thể như sau:

Về hoàn thiện thể chế, pháp luật và xem xét, quyết định những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền để thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

Quốc hội đã xem xét thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tạo cơ sở hiến định cho việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Trong đó, sửa đổi, bổ sung 05/120 điều của Hiến pháp, cụ thể: (i) Sửa đổi, bổ sung Điều 9 để khẳng định vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân, tạo cơ sở cho việc sắp xếp, tinh gọn các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; (ii) Sửa đổi, bổ sung Điều 10 để tiếp tục ghi nhận và thể hiện rõ nét vị trí, vai trò của Công đoàn Việt Nam; (iii) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 84 theo hướng quy định các cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội có quyền trình dự án luật trước Quốc hội, trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (iv) Sửa đổi, bổ sung Điều 110 để khẳng định các đơn vị hành chính của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp (gồm: tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung

trong do luật định); (v) Sửa đổi, bổ sung Điều 111 để bổ sung quy định về chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đó.

Quốc hội đã thảo luận kỹ lưỡng và thống nhất cao thông qua Nghị quyết về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, đồng thời, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành 34 Nghị quyết về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của 34 tỉnh, thành phố; theo đó, sau sắp xếp, cả nước có 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh gồm 06 thành phố trực thuộc trung ương và 28 tỉnh (giảm 29 tỉnh, tương đương 46,03%) và 3.321 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 2.621 xã, 687 phường và 13 đặc khu (giảm 6.714 đơn vị, tương đương 66,91%)

Tại Kỳ họp, Quốc hội đã thông qua 14 luật¹, 02 nghị quyết quy phạm pháp luật² để triển khai tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo chủ trương của Đảng và quy định mới của Hiến pháp, bảo đảm tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; quy định các nội dung chuyển tiếp để giải quyết các vấn đề phát sinh khi chuyển đổi mô hình chính quyền địa phương từ 03 cấp sang 02 cấp, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên tục, thông suốt, ổn định của bộ máy cơ quan chính quyền địa phương, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi và hoạt động bình thường của người dân, doanh nghiệp.

Về sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định để tiếp tục tháo gỡ vướng mắc về thể chế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

Tại Kỳ họp, Quốc hội đã thông qua nhiều nội dung quan trọng để tạo đột phá phát triển cho sự phát triển của đất nước, trong đó có Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật và Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân để kịp thời thể chế hóa Nghị quyết số 66-NQ/TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị là hai trong số “4 trụ cột” quan trọng để đưa đất nước vươn mình, góp phần tạo sự thay đổi mang tính đột phá trong công tác xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ

¹ Bao gồm: (1) Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi); (2) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính; (3) Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi); (4) Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi); (5) Luật Thanh tra (sửa đổi); (6) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; (7) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự; (8) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; (9) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; (10) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; (11) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; (12) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân; (13) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân; (14) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng.

² Bao gồm: (1) Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật; (2) Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các luật tố tụng và luật khác có liên quan.

nguyên mới, tạo “cú hích, đòn bẩy, điểm tựa” tạo động lực mới, giải phóng nguồn lực, sức sản xuất của kinh tế tư nhân.

Quốc hội đã xem xét, thông qua Nghị quyết về Trung tâm Tài chính quốc tế tại Việt Nam để tạo cơ sở pháp lý kết nối Việt Nam với thị trường tài chính toàn cầu, thúc đẩy thương mại với thị trường quốc tế, thu hút đầu tư tài chính nước ngoài, tạo nguồn lực đầu tư mới, góp phần đưa Việt Nam tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị kinh tế toàn cầu, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Quốc hội đã thông qua các luật quan trọng, như: Luật Công nghiệp công nghệ số; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi) nhằm thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, nâng cao năng lực cạnh tranh và ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; đáp ứng kịp thời sự phát triển nhanh của khoa học và công nghệ.

Ngoài ra, Quốc hội cũng thông qua nhiều luật, nghị quyết có phạm vi tác động lớn để tiếp tục cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hoàn thiện chính sách pháp luật về thuế, thúc đẩy tăng trưởng, phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, thị trường lao động, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, thúc đẩy lĩnh vực quảng cáo phát triển theo hướng hiện đại, minh bạch, lành mạnh, kiến tạo chính sách đột phá phát triển đội ngũ nhà giáo, đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục, từng bước đạt mục tiêu phổ cập giáo dục 9 năm, phát triển toàn diện, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một... Cụ thể như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, Luật Nhà giáo, Luật Việc làm (sửa đổi), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo, Nghị quyết về giảm thuế giá trị gia tăng, Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Nghị quyết về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Nghị quyết về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi...

Về việc xem xét, quyết định công tác tổ chức, nhân sự, giám sát và các vấn đề quan trọng khác thuộc thẩm quyền

Tại Kỳ họp, Quốc hội đã xem xét, thông qua Nghị quyết về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Theo đó, Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được quyết định là ngày Chủ nhật 15/3/2026. Quốc hội đã xem xét, thông qua Nghị quyết về thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia; bầu ông Trần Thanh Mẫn, Chủ tịch Quốc hội làm Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia và phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia về danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia.

Quốc hội đã xem xét, thông qua Nghị quyết về số lượng thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV. Theo đó, số lượng thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV là 20 người, gồm: Chủ tịch Quốc hội, 06 Phó Chủ tịch Quốc hội và 13 Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Quốc hội đã xem xét, quyết định miễn nhiệm chức vụ Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV, miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đối với ông Y Thanh Hà Niê Kđăm để nhận nhiệm vụ công tác khác; bầu Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV đối với ông Lâm Văn Mẫn và ông Hoàng Duy Chính; bầu Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội.

Quốc hội đã xem xét, thông qua Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng, các nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (giai đoạn 1), đồng thời, quyết nghị nhiều nội dung quan trọng, trong đó có một số nội dung như:

- Điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 để chi trả chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.

- Cho phép các địa phương (bao gồm các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ) sau sáp nhập đơn vị hành chính được tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù theo các Nghị quyết số 136/2025/QH15, số 55/2022/QH15, số 98/2023/QH15 và số 45/2022/QH15 của Quốc hội, trừ các điều khoản đã bị bãi bỏ theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, tương ứng với các địa phương (bao gồm các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ) trước khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- Cho phép các xã, phường mới tương ứng với địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột thuộc tỉnh Đắk Lắk sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính được tiếp tục áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 72/2022/QH15 của Quốc hội đã cho phép thực hiện với thành phố Buôn Ma Thuột trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

- Đồng ý miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

- Chấp thuận bổ sung hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và đầu tư kinh doanh theo Luật Đầu tư cho Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam bên cạnh hình thức đầu tư công.

- Quy định về giải pháp tiếp tục triển khai công tác quy hoạch gắn với sắp xếp đơn vị hành chính trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi).

- Giao Chính phủ khẩn trương triển khai việc thực hiện hỗ trợ ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền từ năm học 2025 - 2026.

Bên cạnh đó, Quốc hội đã tiến hành xem xét, thảo luận về các báo cáo: Đánh giá bổ sung kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2024; tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước những tháng đầu năm 2025; kết quả thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024; kết quả thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2024; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân gửi đến Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV và kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV... Đồng thời, Quốc hội đã dành 1,5 ngày để tiến hành chất vấn đối với Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo...

II. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI THỜI GIAN GẦN ĐÂY

1. Kết quả hợp tác giữa Việt Nam và các nước láng giềng

Việt Nam và ba nước láng giềng Trung Quốc, Lào và Campuchia có nhiều điểm chung nhờ vào lợi thế địa lý liền kề và nền tảng gắn bó lâu đời về lịch sử, văn hóa bền chặt, sự tương đồng về phong tục, tín ngưỡng và đời sống cộng đồng. Trong lịch sử, các nước đều có truyền thống đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng phát triển hiện nay, tạo nên nền tảng bền vững cho hợp tác lâu dài.

Trong những năm qua, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các nước láng giềng tiếp tục được củng cố, phát triển. Về chính trị, các bên duy trì các chuyến thăm cấp cao, trao đổi đoàn thường xuyên, tăng cường sự tin cậy về chính trị làm cơ sở cho giao lưu nhân dân và hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế và giáo dục - đào tạo. Hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa Việt Nam với các nước láng giềng có bước phát triển mạnh mẽ.

Việt Nam tiếp tục là đối tác thương mại hàng đầu của Lào và Campuchia, đồng thời duy trì mối quan hệ kinh tế ổn định với Trung Quốc - đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Các dự án hạ tầng, giao thông xuyên biên giới, phát triển khu vực biên giới được triển khai mạnh mẽ, góp phần tăng cường kết nối và thúc đẩy phát triển bền vững. Với quy mô dân số hơn 1,43 tỷ dân, chiếm gần 18% dân số toàn cầu; 3 nước láng giềng là thị trường rộng lớn để mở rộng quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư. Trong đó tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam với Trung Quốc, Lào và Campuchia trong năm 2024 đạt khoảng 217,55 tỷ USD, chiếm khoảng 27,7% tổng thương mại của Việt Nam (786,29 tỷ USD). Trong đó, kim ngạch thương mại song phương với Trung Quốc đạt 205,2 tỷ USD, chiếm khoảng 26,1%. Về quốc phòng và an ninh, Việt Nam và các nước láng giềng đã duy trì cơ chế hợp tác hiệu quả, góp phần đảm bảo ổn định khu vực biên giới, phòng chống tội phạm xuyên quốc gia, buôn lậu, ma túy và tăng cường phối hợp trong kiểm soát dịch bệnh, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

Nhìn chung, quan hệ giữa Việt Nam và các nước láng giềng được củng cố vững chắc, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế -

xã hội, thể hiện tinh thần đoàn kết, tin cậy lẫn nhau, cùng xây dựng khu vực ổn định, phát triển và thịnh vượng.

Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc là quan hệ có bề dày lịch sử và ý nghĩa chiến lược sâu sắc; là đối tác hợp tác chiến lược toàn diện của nhau theo phương châm 16 chữ “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”, tinh thần 4 tốt “Láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt”. Năm 2023, hai nước nâng tầm quan hệ “Cộng đồng chia sẻ tương lai Việt Nam - Trung Quốc có ý nghĩa chiến lược” và phương hướng “6 hơn”. Kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam - Trung Quốc năm 2024 đạt mức kỷ lục 205,2 tỷ USD, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Hợp tác về văn hóa, giáo dục, y tế, du lịch, thể dục, thể thao là lĩnh vực hợp tác rộng rãi, phong phú, đa dạng và có ý nghĩa quan trọng³. Giao lưu nhân dân giữa hai nước được khôi phục mạnh mẽ, được tổ chức ngày một hiệu quả, thực chất đã góp phần gia tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường tình hữu nghị của thế hệ trẻ, củng cố vững chắc nền tảng xã hội của quan hệ hai nước. Trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh, hai bên hợp tác ngày càng thực chất hơn. Hai nước đã hình thành nhiều cơ chế hợp tác quốc phòng - an ninh cả trên đất liền và trên biển. Tình hình biên giới trên đất liền, trên Biển Đông về tổng thể duy trì ổn định, cơ bản được kiểm soát tốt; các cơ chế trao đổi, đàm phán giữa hai bên về vấn đề trên biển được duy trì thường xuyên. Việc duy trì các cơ chế đối thoại, tuần tra liên hợp, giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới, trao đổi tình báo và hợp tác phòng chống tội phạm xuyên biên giới đã góp phần củng cố lòng tin chiến lược và duy trì ổn định khu vực biên giới.

Quan hệ Việt Nam - Lào, là mối quan hệ đặc biệt, được xây dựng trên nền tảng “Hữu nghị vĩ đại, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện”. Đây là mối quan hệ hiếm có trong lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại. Về kinh tế, năm 2024, kim ngạch thương mại hai chiều đạt khoảng 2,2 tỷ USD, tăng gần 34% so với năm 2023; 4 tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch thương mại hai chiều đạt khoảng 1,3 tỷ USD, tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam là nhà đầu tư lớn thứ ba tại Lào với 267 dự án, tổng vốn đăng ký 5,7 tỷ USD. Hai nước tiếp tục phối hợp phát triển các dự án hạ tầng trọng điểm như tuyến đường sắt Vientiane - Hà Tĩnh, cao tốc Pakse - Quảng Trị, tạo động lực thúc đẩy liên kết kinh tế khu vực. Về giáo dục, hiện có trên 10.700 lưu học sinh Lào đang học tập tại Việt Nam. Quan hệ quốc phòng - an ninh giữa hai nước tiếp tục được củng cố, đặc biệt qua các chương trình đào tạo hàng ngàn cán bộ quốc phòng và công an cho phía Lào, tăng cường tuần tra biên giới và phối hợp phòng chống tội phạm xuyên quốc gia.

Quan hệ Việt Nam - Campuchia, sau đại dịch Covid-19 đã có nhiều khởi sắc. Hai bên tăng cường trao đổi đoàn cấp cao, thúc đẩy hợp tác kinh tế và hoàn thiện phân giới cắm mốc biên giới, đến nay đã đạt khoảng 84%. Trong năm 2024,

³ Năm 2024, Việt Nam đón khoảng 3,7 triệu lượt khách từ Trung Quốc, chiếm 21,26% tổng lượng khách quốc tế, đứng thứ hai sau Hàn Quốc. Đặc biệt, trong 4 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc đã trở thành thị trường khách du lịch lớn nhất với 1,95 triệu lượt, chiếm 25,4% tổng lượng khách quốc tế. Về giáo dục, năm học 2023 - 2024, có khoảng 23.000 du học sinh Việt Nam đang học tập tại Trung Quốc. Việt Nam là một trong 10 quốc gia có số lượng du học sinh tại Trung Quốc đông nhất.

kim ngạch thương mại song phương đạt gần 11 tỷ USD và chỉ trong 4 tháng đầu năm 2025 đã đạt 3,2 tỷ USD. Việt Nam tiếp tục là đối tác thương mại lớn thứ ba của Campuchia trên toàn cầu và lớn nhất trong khối ASEAN. Về đầu tư, Việt Nam hiện có hơn 200 dự án tại Campuchia, với tổng vốn đăng ký hơn 3 tỷ USD, tập trung vào nông nghiệp, viễn thông và năng lượng. Các dự án này không chỉ góp phần phát triển kinh tế Campuchia mà còn tạo hàng nghìn việc làm cho người dân địa phương. Tuy vậy, một số vấn đề nhạy cảm vẫn tồn tại như tình trạng người gốc Việt không quốc tịch, tranh chấp dân sự biên giới và cạnh tranh ảnh hưởng từ các nước lớn. Đặc biệt, việc Campuchia đơn phương rút khỏi Khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam vào năm 2024 đặt ra thách thức không nhỏ.

Thuận lợi và thách thức trong hợp tác với các nước láng giềng

Về thuận lợi

Sự gắn bó lâu đời trong lịch sử, sự tương đồng về văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đời sống cộng đồng giữa các dân tộc sinh sống dọc biên giới đã góp phần củng cố tình cảm hữu nghị và giao lưu nhân dân. Các nước đều có truyền thống đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và trong công cuộc phát triển hiện nay, tạo nên nền tảng bền vững cho hợp tác lâu dài. Với đặc điểm địa lý liền kề, các tuyến giao thông xuyên biên giới như đường bộ, đường sắt và khu kinh tế cửa khẩu đang ngày càng được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại, đầu tư và lưu thông hàng hóa giữa các quốc gia. Những hành lang kinh tế chiến lược như Hành lang Đông - Tây (Lào - Việt Nam) hay Bắc - Nam (Trung Quốc - Việt Nam - Campuchia) đóng vai trò then chốt trong việc kết nối hạ tầng khu vực và đẩy mạnh Logistics. Ngoài thương mại, các lĩnh vực như năng lượng, khoáng sản và du lịch cũng đang mở ra những cơ hội hợp tác mới. Việt Nam và Lào đã phát triển nhiều dự án thủy điện xuyên biên giới, trong khi Campuchia và Trung Quốc là những đối tác tiềm năng trong hợp tác năng lượng tái tạo và khai khoáng. Quan hệ chính trị giữa Việt Nam với ba nước láng giềng đều được duy trì ổn định, với nhiều cơ chế hợp tác cấp cao cả song phương và đa phương như GMS (Tiểu vùng Mekong mở rộng), CLV (Campuchia - Lào - Việt Nam), hợp tác Mekong - Lan Thương (LMC), hợp tác trong khuôn khổ ASEAN - Trung Quốc, sáng kiến Vành đai - Con đường (BRI) và các thỏa thuận về quản lý biên giới, an ninh, quốc phòng. Những nền tảng này là động lực quan trọng để thúc đẩy sự phát triển toàn diện, bền vững và gắn kết giữa Việt Nam với Trung Quốc, Lào và Campuchia trong thời gian tới.

Về khó khăn, thách thức

Một là, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và sự hiện diện ngày càng mạnh mẽ của các cường quốc Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản và Ấn Độ tại khu vực Đông Nam Á đặt ra yêu cầu đối với Việt Nam trong việc giữ cân bằng chiến lược và củng cố quan hệ láng giềng dựa trên chủ quyền, tôn trọng và lợi ích quốc gia. Các thách thức như cạnh tranh lợi ích, lôi kéo, tập hợp lực lượng của các nước lớn và bất ổn khu vực đòi hỏi Việt Nam kiên định lập trường, chủ động đối thoại, bảo vệ lợi ích quốc gia trên nền tảng luật pháp quốc tế.

Hai là, vấn đề Biển Đông là điểm nóng trong quan hệ Việt - Trung, tác động đến khu vực và quốc tế. Trung Quốc tiếp tục có yêu sách và các hành động xâm

phạm vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và chủ quyền của Việt Nam, đe dọa an ninh hàng hải và tự do hàng không. Dù không trực tiếp liên quan, Lào và Campuchia có ảnh hưởng đến lập trường chung của ASEAN trong vấn đề này, khiến Việt Nam cần có chiến lược ngoại giao khéo léo để bảo vệ lợi ích chủ quyền mà vẫn duy trì đoàn kết nội khối.

Ba là, phân định biên giới giữa Việt Nam và Campuchia vẫn chưa hoàn tất (còn 16%), gây khó khăn trong quản lý thực địa. Vấn đề người gốc Việt tại Campuchia còn tồn tại khi nhiều người chưa có giấy tờ xác định quyền công dân hoặc gặp khó khăn trong tiếp cận dịch vụ công, giáo dục và y tế. Đây là vấn đề nhân đạo và cũng là những vướng mắc, thách thức trong quan hệ song phương Việt Nam - Campuchia.

Bốn là, các mối đe dọa an ninh phi truyền thống như tội phạm xuyên quốc gia, buôn người, ma túy, buôn lậu, tội phạm mạng, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, hạn hán, xâm nhập mặn và khai thác tài nguyên nước không bền vững... là những vấn đề ngày càng trở nên nghiêm trọng, nhất là tại các địa bàn vùng sâu, vùng biên giới, nơi năng lực quản lý nhà nước còn hạn chế, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các nước láng giềng.

Đề đối phó với các thách thức hiện tại và tận dụng các cơ hội phát triển, Việt Nam cần một chiến lược toàn diện, linh hoạt, đặt trọng tâm vào việc củng cố lòng tin chiến lược, tăng cường hợp tác kinh tế, đảm bảo an ninh biên giới và thúc đẩy giao lưu nhân dân với các nước.

Phương hướng hợp tác giữa Việt Nam và các nước láng giềng

Quan hệ hợp tác hữu nghị với ba nước láng giềng Trung Quốc, Lào và Campuchia không chỉ tạo nên môi liên kết tự nhiên về không gian lãnh thổ mà còn đặt nền tảng cho các mối quan hệ lâu dài về chính trị, kinh tế, văn hóa và an ninh quốc phòng. Trong bối cảnh khu vực và thế giới đang có nhiều diễn biến phức tạp, việc củng cố và mở rộng hợp tác với các quốc gia láng giềng này là một yêu cầu tất yếu nhằm đảm bảo lợi ích chiến lược, phát triển kinh tế - xã hội và gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định khu vực. Phương hướng và giải pháp hợp tác với các nước cần tập trung vào một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, về chính trị. Tăng cường trao đổi, tiếp xúc cấp cao thường xuyên; kết hợp và phối hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn giữa đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, trong đó phát huy vai trò quan trọng, định hướng chiến lược tổng thể và ưu thế đặc thù riêng có của đối ngoại kênh Đảng đối với tổng thể quan hệ song phương, phát huy hiệu quả các cơ chế hiện có trong giao lưu kênh Đảng, lãnh đạo cấp cao; nâng cao hiệu quả hợp tác giữa các cơ quan tương ứng của hai Đảng ở Trung ương, các tổ chức đảng địa phương hai nước, đặc biệt là các tỉnh (khu) biên giới. Tăng cường hơn nữa giao lưu, hợp tác trên các kênh Chính phủ, Quốc hội Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy tốt vai trò của cơ chế Ủy ban Chỉ đạo hợp tác song phương Việt Nam với các nước trong việc giám sát, đôn đốc triển khai các thỏa thuận đã đạt được, nhất là thỏa thuận cấp cao, kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quan hệ giữa hai nước. Củng cố các thiết chế song phương và tiểu vùng, các cơ chế hợp tác hiện

có như Ủy ban liên Chính phủ Việt - Trung, Việt - Lào, Việt Nam - Campuchia; đồng thời thúc đẩy các cơ chế tiểu vùng như Hợp tác CLV (Campuchia - Lào - Việt Nam), ACMECS, GMS và Mekong - Lan Thương, các cơ chế của ASEAN, sáng kiến Vành đai và con đường (BRI) để xử lý các vấn đề xuyên biên giới một cách bền vững.

Thứ hai, về kinh tế, thương mại, đầu tư. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động thương mại biên giới theo hướng chính ngạch, cải thiện hạ tầng Logistics và hiện đại hóa thủ tục hải quan, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa. Hình thành các chuỗi giá trị khu vực, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, chế biến thực phẩm và dược liệu làm bước đột phá trong hợp tác kinh tế biên mậu. Về hạ tầng, cần ưu tiên kết nối hạ tầng xuyên biên giới đồng bộ, thúc đẩy thương mại chính ngạch, phát triển khu Logistics tại cửa khẩu, đồng thời hỗ trợ các tỉnh biên giới nâng cao năng lực hội nhập. Phối hợp chặt chẽ với Trung Quốc trong việc triển khai các tuyến đường sắt liên vận, đường cao tốc xuyên biên giới, đồng thời đẩy mạnh các tuyến kết nối với Lào và Campuchia trong khuôn khổ Hành Lang Kinh tế Đông - Tây và các tuyến hành lang giao thông tiểu vùng. Đầu tư vào kết nối hạ tầng không chỉ phục vụ giao thương mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và tăng cường hội nhập khu vực. Trong lĩnh vực năng lượng và môi trường, hợp tác về thủy điện, năng lượng tái tạo và bảo vệ nguồn nước xuyên biên giới (như sông Mekong) cần được ưu tiên. Các bên cần chia sẻ dữ liệu, cảnh báo sớm và cùng xây dựng cơ chế phối hợp nhằm bảo đảm sử dụng tài nguyên bền vững và giảm thiểu rủi ro thiên tai.

Thứ ba, về hợp tác văn hóa, giáo dục, thể thao, y tế. Tiếp tục đẩy mạnh các dự án phát triển khu vực biên giới thành vành đai kinh tế - an ninh - văn hóa; xây dựng biên giới thành “vùng đệm phát triển” thay cho “ranh giới chia cắt”, thông qua các dự án kinh tế vùng, giao lưu dân tộc, phát triển cơ sở hạ tầng và kết nối hệ thống y tế, giáo dục xuyên biên giới. Đây là cách vừa nâng cao mức sống người dân biên giới, vừa bảo đảm an ninh lâu dài. Tăng cường các chương trình giao lưu thanh niên, giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực và y tế biên giới. Việc xây dựng mối quan hệ từ gốc rễ xã hội sẽ tạo nền móng bền vững cho mối quan hệ chính trị - kinh tế trong dài hạn. Đẩy mạnh các hoạt động giao lưu nhân dân, quan hệ hữu nghị giữa các tổ chức đoàn thể chính trị với các nước để nâng cao hiểu biết và tình cảm hữu nghị giữa các tầng lớp Nhân dân hai nước, củng cố “nền tảng xã hội vững chắc hơn” cho quan hệ song phương. Khuyến khích các địa phương hai nước, nhất là các địa phương biên giới của Việt Nam tăng cường hợp tác sâu rộng, toàn diện với các địa phương của ba nước; phát huy hiệu quả các cơ chế hợp tác hiện có; chú trọng hợp tác thực chất, cùng có lợi trong các lĩnh vực thương mại, du lịch, nông nghiệp, đào tạo nhân lực, quản lý lao động qua biên giới, kết cấu hạ tầng biên giới...

Thứ tư, quốc phòng - an ninh. Tiếp tục thúc đẩy các cơ chế đối thoại song phương và đa phương, đặc biệt là đối thoại chính trị cấp cao nhằm củng cố lòng tin chiến lược. Việc xây dựng các cơ chế xử lý tình huống khẩn cấp trên biên giới, trên biển và phát triển hệ thống quản lý biên giới thông minh, cũng như thúc đẩy tuần tra chung và chia sẻ thông tin an ninh là những giải pháp then chốt. Hợp tác quản lý biên giới, phòng chống tội phạm xuyên quốc gia và bảo vệ an ninh khu vực tiếp tục cần được ưu tiên. Tăng cường tuần tra chung, xây dựng lòng tin chính trị và phối hợp xử lý kịp thời các tình huống phát sinh sẽ giúp duy trì môi trường hòa bình, ổn

định lâu dài. Duy trì thường xuyên cơ chế đối thoại, các diễn đàn trong ASEAN, giữa ASEAN với Trung Quốc; hoạt động giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới Việt Nam với các nước. Duy trì các cơ chế đối thoại, tuần tra liên hợp, trao đổi tình báo và hợp tác phòng chống tội phạm xuyên biên giới góp phần củng cố lòng tin chiến lược và duy trì ổn định khu vực biên giới.

Thứ năm, chủ động phòng ngừa rủi ro chiến lược, kiểm soát bất đồng. Chủ động phối hợp với các nước kiểm soát và giải quyết tốt hơn bất đồng những vấn đề còn tồn đọng, thực hiện tốt nhận thức chung cấp cao. Đặc biệt, trước bối cảnh cạnh tranh nước lớn gay gắt, cạnh tranh, lôi kéo ảnh hưởng tại Lào và Campuchia ngày càng phức tạp, Việt Nam cần tăng cường hiện diện thông tin đối ngoại, bảo vệ hình ảnh đất nước, đồng thời kiểm soát các dòng đầu tư chiến lược từ các nước thứ ba vào khu vực có thể gây mất cân bằng địa chính trị. Vấn đề Biển Đông, Việt Nam cần kiên quyết, kiên trì nguyên tắc hòa bình, tôn trọng luật pháp quốc tế, không đe dọa sử dụng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực, vận dụng khéo léo ngoại giao song phương và đa phương để tranh thủ sự ủng hộ từ ASEAN và cộng đồng quốc tế, đồng thời nâng cao năng lực quốc phòng, an ninh sẵn sàng bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo. Bảo vệ quyền lợi chính đáng của người gốc Việt, kết hợp giữa hỗ trợ pháp lý, ngoại giao nhân đạo và đối thoại song phương, cần được đặt trong tổng thể chiến lược ngoại giao nhân dân, gắn kết cộng đồng với quê hương và góp phần củng cố quan hệ bền vững với các nước sở tại.

Tóm lại, quan hệ giữa Việt Nam và ba nước láng giềng có chung biên giới đất liền mang ý nghĩa sống còn đối với an ninh quốc gia và phát triển bền vững của đất nước. Đây không chỉ là yêu cầu khách quan từ vị trí địa lý mà còn là chiến lược quan trọng để phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh, tạo môi trường hòa bình, ổn định để Việt Nam thực hiện khát vọng phát triển đất nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược và thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng, Việt Nam cần chủ động, linh hoạt và sáng tạo trong chính sách đối ngoại và đường lối “ngoại giao cây tre”; xây dựng quan hệ láng giềng “hữu nghị, ổn định, hợp tác, cùng phát triển” theo phương hướng toàn diện, thực chất, tin cậy; đây chính là chìa khóa để Việt Nam tiến vào kỷ nguyên phát triển mới. Bài học lịch sử, sự gắn bó địa lý, văn hóa và tinh thần chủ động hội nhập sẽ là nền tảng để Việt Nam duy trì mối quan hệ hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển bền vững với các nước láng giềng trong kỷ nguyên mới.

Nơi nhận:

- Phòng Thông tin - Tổng hợp - Dự luận xã hội,
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy,
- Bí thư các cơ sở đảng trực thuộc,
- Lưu Ban Xây dựng Đảng phường.

**KT/TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Thị Thúy Hiền

